**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU** **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/DS-PT
Ngày 20 – 3 – 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Lập

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:*** Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 02 và ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 464/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo, bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 334/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Châu Thị D1, sinh năm 1953 (Có mặt ngày 28/02;vắng mặt ngày 20/3/2024)

2. Bà Châu Thị N1, sinh năm 1963 (Có mặt ngày 28/02; vắng mặt ngày 20/3/2024)

3. Ông Châu Văn T1, sinh năm 1970 (Có mặt ngày 28/02; vắng mặt ngày 20/3/2024)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh C ..

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà D1, bà N1, ông T1*: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

4. Bà Châu Thị D2 (Chết ngày 13/10/2023)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D2:*

4.1. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1959 (Xin vắng mặt)

4.2. Bà Nguyễn Lệ H1, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt)

4.3. Bà Nguyễn Thị Phương T2, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt);

4.4. Bà Nguyễn Thị Ánh Ph, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt);

4.5. Nguyễn Phương E, sinh năm 1989 (Xin vắng mặt);

4.6. Nguyễn Phương S1, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt);

4.7. Nguyễn Minh S2, sinh năm 1995 (Xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Thị Tường A, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- *Bị đơn*:

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

2. Anh Châu Văn M, sinh năm 1984 (Xin xét xử vắng mặt);

3. Anh Châu Văn B1, sinh năm 1987 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh C ..

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh B1:* Ông Phan Khánh Dương, là Luật sư của Công ty Luật Đất Mũi – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

4. Chị Châu Thị B2, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Hà Ngọc N3, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh C ..

3. Ủy ban nhân dân huyện Cái N (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Anh Châu Văn B1 và anh Châu Văn M, là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo bà Châu Thị D1, bà Châu Thị N1, bà Châu Thị D2, ông Châu Văn T1 (các nguyên đơn) trình bày:*

Cụ Châu Văn Nghĩa và cụ Nguyễn Thị Trận có 04 người con ruột gồm: Bà Châu Thị D1, bà Châu Thị D2, bà Châu Thị N1, ông Châu Văn T1 và một người con nuôi là ông Châu Văn Đức. Lúc sinh thời cụ Nghĩa và cụ Trận có tạo lập được một phần đất tọa lạc tại ấp Vịnh Gốc, xã H, huyện C, tỉnh C .. Sau đó cụ Nghĩa và cụ Trận có cho ông Châu Văn Đức một phần đất ngang 36m, dài từ Lung Bào

Quảng tới Lung Xẻo Nhum. Đến năm 1994, cụ Nghĩa, ông Đức được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ); ông Đức được cấp diện tích 10.850m$^2$, cụ Nghĩa được cấp diện tích 23.680m$^2$. Năm 2007 ông Đức chết, phần đất của ông Đức đứng tên QSDĐ chuyển quyền thừa kế lại cho anh Châu Văn M đứng tên QSDĐ diện tích 10.466m$^2$.

Đối với phần đất của cụ Nghĩa, vào năm 2002 cụ Nghĩa chuyển nhượng cho ông Lê Văn O một phần tại thửa 192, diện tích 7.480m$^2$; cụ Nghĩa còn lại diện tích 16.200 m$^2$. Cụ Nghĩa và cụ Trận quản lý sử dụng phần đất đến năm 2013 cụ Nghĩa chết; đến năm 2016 cụ Trận chết; cụ Nghĩa và cụ Trận không để lại di chúc. Sau khi cụ Nghĩa và cụ Trận chết, phần đất của cụ Nghĩa và cụ Trận do ông T1 quản lý sử dụng.

Vào năm 2013, bà Lê Thị P là vợ của ông Đức cùng các con là Châu Văn M, Châu Thị B2 và Châu Văn B1 đưa xáng vào múc đất lấn chiếm sang phần đất của cụ Nghĩa và cụ Trận nên ông T1 có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Vào ngày 29/7/2016, có họp gia đình giải quyết và có lập biên bản, có sự chứng kiến của Tổ tự quản tổ 3 ấp Vịnh Gốc là ông Trương Minh Liệt. Tại buổi họp gia đình, bà P thừa nhận vào năm 2013 có đưa xáng vào múc lấn qua đường ranh khoảng 4m, nhưng sau đó bà P không đồng ý cắm ranh để xác định lại đất cho đúng vị trí nên ông T1 đã gửi đơn đến chính quyền địa phương ấp Vịnh Gốc và Uỷ ban nhân dân xã Hưng Mỹ giải quyết nhưng không thành. Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị P cùng các con là anh Châu Văn M, anh Châu Văn B1, chị Châu Thị B2 trả lại phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế diện tích 1.150,8m$^2$ toạ lạc tại ấp Vịnh Gốc, xã H, huyện C, tỉnh C .. Vị trí tứ cận: Hướng Đông giáp phần đất của anh Châu Văn M có cạnh M6 – M5 dài 136,01m; Hướng Tây giáp phần đất còn lại của ông Châu Văn Nghĩa cạnh M7 – M8 dài 134,73m; Hướng Nam giáp với phần đất của ông Trương Văn Lực có cạnh M5 – M8 dài 15.11m; Hướng Bắc giáp với phần đất còn lại của anh Châu Văn M cạnh M7 – M6 dài 1.98m. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các nguyên đơn xác định do chị B2 không quản lý sử dụng phần đất tranh chấp nên rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị B2.

*- Theo bà Lê Thị P trình bày:*

Trước đây, cha mẹ chồng của bà là cụ Châu Văn Nghĩa và cụ Nguyễn Thị Trận có cho vợ chồng bà một phần đất, sau hậu giáp Lung Xẻo Nhum ngang 36m, mặt tiền giáp Lung Bào Quảng ngang 1,5 công tầm lớn (bằng 54m). Khi cho không có làm giấy tờ, đến năm 1994 chồng bà là ông Châu Văn Đức được cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 10.850m$^2$ đất toạ lạc tại ấp Vịnh Gốc, xã H, huyện C, tỉnh C .. Bà cùng ông Đức quản lý sử dụng đất ổn định cho đến khi ông Đức qua đời vào năm 2007. Sau khi ông Đức qua đời, gia đình thống nhất cho con bà là anh Châu Văn M đứng tên QSDĐ; anh M đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 593, tờ bản đồ số 03 với diện tích là 4.307,0m$^2$ và thửa đất số 203, tờ bản đồ 03 diện tích là 6.159,0 m$^2$ , tổng diện tích 10.466m$^2$. Năm 2010, bà đưa xáng vào múc toàn bộ phần đất, khi đó có cụ Nghĩa đứng ra chỉ ranh. Đến năm 2013 cụ Nghĩa qua đời, năm 2014 bà đưa xáng vào cải tạo thì ông T1 cũng múc một công đối với phần đất

giáp Lung Bào Quảng. Phần đất tranh chấp là phần bờ và phần mương nằm trong phần đất vườn, trên phần đất tranh chấp có một vài cây dừa do cụ Nghĩa trồng, hiện nay do bà và anh M, anh B1 quản lý sử dụng. Bà Phê xác định không có lấn chiếm đất, nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu bà D1, bà D2, bà N1 và ông T1.

- *Theo anh Châu Văn M, Châu Văn B1 trình bày*:

Anh M và anh B1 thống nhất với trình bày của bà P và không đồng ý trả đất theo yêu cầu của các nguyên đơn.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:*

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị D1, bà Châu Thị D2, bà Châu Thị N1, ông Châu Văn T1 đối với chị Châu Thị B2 về việc buộc chị B2 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích theo đo đạc thực tế 1.150,8m2 tọa lạc tại ấp Vịnh Gốc, xã H, huyện C, tỉnh C ..

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị D1, bà Châu Thị D2, bà Châu Thị N1, ông Châu Văn T1 đối với bà Lê Thị P, anh Châu Văn M và anh Châu Văn B1.

Buộc bà Lê Thị P, anh Châu Văn M và anh Châu Văn B1 trả lại cho bà Châu Thị D1, bà Châu Thị D2, bà Châu Thị N1, ông Châu Văn T1 phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.150,8m$^2$ toạ lạc tại ấp Vịnh Gốc, xã H, huyện C, tỉnh C ..

Vị trí tứ cận:

Hướng Đông giáp phần đất của anh Châu Văn M có cạnh M6 – M5 dài 136,01m;

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của ông Châu Văn Nghĩa cạnh M7 – M8 dài 134,73m;

Hướng Nam giáp với phần đất của ông Trương Văn Lực có cạnh M5 – M8 dài 15,11m;

Hướng Bắc giáp với phần đất còn lại của anh Châu Văn M cạnh M7 – M6 dài 1.98m.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 07/9/2023, anh Châu Văn B1 có đơn kháng cáo; Ngày 11/9/2023, anh Châu Văn M có đơn kháng cáo. Anh B1 và anh M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; anh M và anh B1 tự nguyện giao lại phần bờ chung cho các nguyên đơn; anh B1 và anh M tự múc đất bên phần đất của anh M và anh B1 để làm bờ mới.

Ngày 08/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước có Quyết định kháng nghị số: 28/QĐ-VKS-DS, kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 103/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Châu Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; anh Châu Văn B1, giữ nguyên kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà thay đổi Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Luật sư Dương phát biểu: Khi bà P múc bờ có cụ Nghĩa thống nhất chỉ ranh để múc. Phần ranh đất giữa phần đất tranh chấp với phần đất còn lại của bị đơn (điểm M5 đến M6) là mặt nước, không có dấu tích gì là ranh đất. Các nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn ranh nhưng cũng không xác định chính xác lấn bao nhiêu, khì thì cho rằng lấn 04m; khi thì 8,7m; 18m; 20m; theo đo đạc là 15,11m. Biên bản hoà giải ấp Vịnh Gốc ngày 06/9/2016 có nội dung ghi bà P thừa nhận múc ranh đất có qua bên đất ông T1, nhưng biên bản này không có bà P ký tên. Biên bản họp gia đình do Tổ tự quản ấp Vịnh Gốc lập ngày 29/7/2016 có nội dung bà P thừa nhận năm 2013 đưa xáng vào múc cải toạ vuông có lấn ranh sang phần đất ông T1 04m, có ký tên bà P, nhưng bà P không thừa nhận có ký tên trong biên bản này. Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 13/3/2024 của Toà án cấp phúc thẩm thể hiện phần bờ giáp ranh giữa đất nguyên đơn với đất bị đơn hiện tại có đoạn là 1,8m, có đoạn từ 1,2 đến 1,3m. Về tố tụng, cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước đã nêu. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Châu Văn B1, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm; trường hợp không huỷ bản án sơ thẩm thì đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh B1 không có ý kiến tranh luận.

Ông T2 phát biểu: Việc bị đơn lấn đất của nguyên đơn là có thực tế. Tại biên bản họp gia đình do Tổ tự quản ấp Vịnh Gốc và biên bản hoà giải của ấp Vịnh Gốc bà P thừa nhận. Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 13/3/2024 thể hiện phần bờ có đoạn nhỏ, đoạn lớn là do phía bị đơn múc kênh có đoạn nhỏ, đoạn lớn, chổ sâu, chổ cạn. Theo giấy chứng nhận QSDĐ, ranh đất là ranh thẳng, nên tại vị trí M5 của Bản vẽ là ranh của nguyên đơn là phù hợp. Theo đo đạc, diện tích đất bị đơn đang sử dụng không có tranh chấp vẫn lớn hơn diện tích được cấp QSDĐ. Bị đơn cho rằng đất bị đơn kích thước chiều ngang 1,5 công (bằng 54m) là không có căn cứ. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh B1 và anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh Châu Văn M và anh Châu Văn B1, Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ghi nhận sự tự nguyện của anh B1 và anh M về việc giao trả phần bờ lại cho nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của anh Châu Văn M và anh Châu Văn B1, Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Theo đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích là 1.150,8m$^2$ toạ lạc tại ấp Vịnh Gốc, xã H, huyện C, tỉnh C .. Vị trí tứ cận: Hướng Đông giáp phần đất của anh Châu Văn M cạnh M5 – M6 dài 136,01m; Hướng Tây giáp phần đất còn lại của ông Châu Văn Nghĩa, cạnh M7 – M8 dài 134,73m; Hướng Nam giáp với phần đất của ông Trương Văn Lực, cạnh M5 – M8 dài 15,11m; Hướng Bắc giáp với phần đất còn lại của anh Châu Văn M, cạnh M7 – M6 dài 1,98m. Nguồn gốc đất trước đây là của cụ Châu Văn Nghĩa và cụ Nguyễn Thị Trận là cha mẹ bà Châu Thị D1, bà Châu Thị D2, bà Châu Thị N1, ông Châu Văn T1 và ông Châu Văn Đức (là chồng bà P) tạo lập. Sau đó, cụ Nghĩa và cụ Trận có cho ông Đức một phần, đến năm 1994, cụ Nghĩa và ông Đức được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đức được cấp diện tích 10.850m$^2$, cụ Nghĩa được cấp diện tích 23.680m$^2$. Năm 2007 ông Đức chết, phần đất của ông Đức chuyển quyền thừa kế lại cho anh Châu Văn M đứng tên quyền sử dụng diện tích 10.466m$^2$. Đối với phần đất của cụ Nghĩa, năm 2002 cụ Nghĩa chuyển nhượng cho ông Lê Văn O một phần tại thửa 192, diện tích là 7.480m$^2$, cụ Nghĩa còn lại diện tích 16.200 m$^2$ do cụ Nghĩa và cụ Trận quản lý sử dụng. Đến năm 2013 cụ Nghĩa chết, năm 2016 cụ Trận chết; cụ Nghĩa và cụ Trận chết không để lại di chúc. Sau khi cụ Nghĩa và cụ Trận chết, phần đất do ông T1 quản lý sử dụng, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn đứng tên cụ Nghĩa. Bà D1, bà N1 ông T1, bà D2 cho rằng năm 2013, bà P và các con đưa xáng vào múc đất lấn sang phần đất của cụ Nghĩa nên khởi kiện yêu cầu bà P, anh M, anh B1 trả lại diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc 1.150,8m$^2$. Bà P, anh M, anh B1 xác định không có lấn đất, nên không đồng ý trả đất.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn xác định phần đất tranh chấp thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Châu Văn Nghĩa; các bị đơn xác định thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Châu Văn Đức. Toà án cấp sơ thẩm đã có đến Uỷ ban nhân dân huyện Cái Nước để xác định phần đất tranh chấp thuộc trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Nghĩa hay cấp cho ông Đức, nhưng Uỷ ban nhân dân huyện Cái Nước không xác định được.

[3] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Châu Văn Nghĩa được cấp vào năm 1994 diện tích là 23.680m$^2$; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Châu Văn Đức được cấp vào năm 1994 diện tích 10.850m$^2$, sau khi ông Đức chết thì anh M nhận thừa kế phần đất của ông Đức và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 10.466m$^2$. Theo đo đạc thực tế hiện nay ông T1 đang quản lý sử dụng phần đất cụ Nghĩa đứng tên quyền sử dụng đất, bao gồm phần đất chuyển nhương cho ông O, ông O chuyển nhượng lại cho bà D1 là 24.022,2m$^2$ (không tính diện tích tranh chấp); phần đất bà P, anh M, anh B1 đang sử dụng 13.587,7m$^2$ (không tính diện tích tranh chấp). Như vậy, phần đất nguyên đơn, bị đơn quản lý sử dụng (chưa tính phần tranh chấp) đều dư so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Theo Bản vẽ hiện trạng thể hiện vị trí phần đất tranh chấp giáp ranh giữa phần đất nguyên đơn, bị đơn đang sử dụng, kích thước chiều ngang: cạnh M5M8 là 15,11m và cạnh M6M7 là 1,98m, các nguyên đơn cho rằng khi bị đơn đưa cơ giới vào múc ranh đất lấn sang phần đất của nguyên đơn. Xét thấy: Thời điểm bị đơn đưa cơ giới vào múc ranh đất thì cụ Nghĩa và cụ Trận vẫn còn sống, nhưng cụ Nghĩa và cụ Trận cũng không có ý kiến gì; Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Nghĩa, ông Đức, anh M đứng tên đều không thể hiện cụ thể về kích thước của phần đất được cấp, nên không thể đối chiếu về kích thước phần đất nguyên đơn, bị đơn đang sử dụng là thiếu hay dư so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Hơn nữa, hiện tại từ vị trí M5 đến M6 nguyên đơn xác định là ranh đất của nguyên đơn, nhưng hiện trạng thực tế là phần mặt nước, cũng không có mốc giới gì để xác định làm ranh đất. Do vậy, khi các nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị đơn lấn ranh đất cũng không xác định lấn là bao nhiêu, Tại đơn khởi kiện của các nguyên đơn cho rằng bà P múc đất bỏ lên đất nguyên đơn là 8,7m; trong quá trình giải quyết vụ án thì xác định bị đơn lấn ngang 18m, khi thì 20m; khi đo đạc thì xác định vị trí để đo dạc có kích thước cạnh 15,11m và cạnh 1,98m. Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn cho rằng bị đơn múc đất bỏ lên đất của nguyên đơn 8,7m, nhưng quan xem xét thẩm định ngày 13/3/2024 thể hiện hiện trang phần bờ giáp ranh giữa đất nguyên đơn, bị đơn đang sử dụng: đoạn bờ chung giữa nguyên đơn, bị đơn chiều dài là 42m, kích thước chiều ngang là 4,35m, phần bờ có tranh chấp ngang là 1,8m; phần bờ còn lại còn lại (không phải bờ chung) có kích thước ngang từ 1,2m đến 1,3m, mặt bờ thấp; bị đơn cho rằng là bờ của nguyên đơn, bị đơn chỉ sên vét bỏ đất lên bờ, còn nguyên đơn cho rằng bờ do bị đơn múc đất bỏ lên đất của nguyên đơn; nếu so sánh giữa hiện trạng bờ với khối lượng đất mà xáng múc để tạo thành con bờ như trên là không phù hợp. Từ các căn cứ nêu trên, xét trình bày của nguyên đơn cho rằng khi bị đơn đưa xáng vào múc đất lấn sang phần đất nguyên đơn kích thước theo đo đạc từ vị trí M5 đến M8 là 15,11m là chưa có cơ sở.

[5] Tuy nhiên, tại biên bản họp gia đình do Tổ tự quản ấp Vịnh Gốc lập ngày 29/7/2016, bà P thừa nhận năm 2013 có đưa xáng vào múc đất cải tạo vuông có lệnh đường ranh sang phần đất nguyên đơn khoảng 04m, biên bản này có ký tên bà P. Đối với ý kiến tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh B1 cho rằng chữ ký tên trong biên bản họp gia đình ngày 29/7/2016 không phải là của bà P. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn cũng có đặt ra đối với biên bản họp gia đình ngày 29/7/2016 bà P có ký tên, nhưng bà P cũng không có ý kiến phủ nhận đối với chữ ký tên bà P tại biên bản họp gia đình ngày 27/7/2016. Như vậy, bà P đã mặc nhiên thừa nhận chữ ký của bà P tại biên bản họp gia đình ngày 29/7/2016; do đó, ý kiến tranh luận của Luật sư cho rằng chữ ký tên trong biên bản họp gia đình ngày 29/7/2016 không phải là của bà P là không có cơ sở.

[6] Do bà P thừa nhận khi đưa xáng vào múc đất có lấn sang phần đất của nguyên đơn 04m, nên buộc các bị đơn trả lại cho các nguyên đơn phần đất lấn chiếm là phù hợp. Tuy nhiên, theo Bản Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp có kích thước chiều ngang: Cạnh M8M5 là 15,11m; cạnh M6M7 là 1,98m (không đến

04m); do đó, cần buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn phần đất theo ranh giới, kích thước như sau: Chiều ngang: Từ điểm M8 đo trở qua điểm M5 là 04m, xác định điểm M8', cạnh M8M8' = 04m, cạnh M6M7 = 1,98m: chiều dài: Cạnh M8'M6 = 134,90m, cạnh M7M8 = 134,73m; diện tích là 402,7m$^2$. Phần còn lại không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo ranh giới, kích thước, diện tích như sau: Chiều ngang: Cạnh M8'M5 = 11,11m; chiều dài: Cạnh M5M6 = 136,01m, cạnh M8'M6 = 134,90m; diện tích 748,1m$^2$.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh M, anh B1 và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh B1 huỷ bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo anh Châu Văn M, anh Châu Văn B1 và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[9] Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm 13.787.000 đồng: Các nguyên đơn phải chịu 8.962.500 đồng; bà P, anh M và anh B1 phải chịu 4.824.500 đồng. Các nguyên đơn đã nộp xong khoản tiền chi phí tố tụng, nên buộc bà P, anh M, anh B1 phải trả lại cho các nguyên đơn số tiền 4.824.500 đồng. Chi phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm 400.000 đồng, anh B1, anh M và bà P phải chịu (đã nộp xong).

[10] Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Châu Văn M và anh Châu Văn B1 không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Châu Văn M, anh Châu Văn B1.

Chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị D1, Châu Thị N1, Châu Văn T1 và bà Châu Thị D2 (do ông Nguyễn Minh L, bà Nguyễn Lệ H1, bà Nguyễn Thị

Phương T2, bà Nguyễn Thị Ánh Ph, Nguyễn Phương E, Nguyễn Phương S1, Nguyễn Minh S2, là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D2) đối với bà Châu Thị B2.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị D1, bà Châu Thị N1, ông Châu Văn T1 và bà Châu Thị D2 (do ông Nguyễn Minh L, bà Nguyễn Lệ H1, bà Nguyễn Thị Phương T2, bà Nguyễn Thị Ánh Ph, Nguyễn Phương E, Nguyễn Phương S1, Nguyễn Minh S2, là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D2) đối với bà Lê Thị P, anh Châu Văn M và anh Châu Văn B1.

Buộc bà Lê Thị P, anh Châu Văn M và anh Châu Văn B1 trả lại cho bà Châu Thị D1, bà Châu Thị N1, ông Châu Văn T1 và bà Châu Thị D2 (do ông Nguyễn Minh L, bà Nguyễn Lệ H1, bà Nguyễn Thị Phương T2, bà Nguyễn Thị Ánh Ph, Nguyễn Phương E, Nguyễn Phương S1, Nguyễn Minh S2, là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D2) phần đất theo ranh giới, kích thước: M8M8' = 04m; M8'M6 = 134,90m; M6M7 = 1,98m; M7M8 = 134,73m; diện tích 402,7m$^2$ , đất toạ lạc tại ấp Vịnh Gốc, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị D1, bà Châu Thị N1, ông Châu Văn T1 và bà Châu Thị D2 (do ông Nguyễn Minh L, bà Nguyễn Lệ H1, bà Nguyễn Thị Phương T2, bà Nguyễn Thị Ánh Ph, Nguyễn Phương E, Nguyễn Phương S1, Nguyễn Minh S2, là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D2) yêu cầu bà Lê Thị P, anh Châu Văn M và anh Châu Văn B1 trả lại phần đất theo ranh giới, kích thước: M8'M5 = 11,11m; M5M6 = 136,01m; M6M8' = 134,90m; diện tích 748,1m$^2$

(Kèm theo Sơ đồ vị trí đất và Bản Trích đo hiện trạng của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

- Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc thẩm định, trích lục hồ sơ tại cấp sơ thẩm 13.787.000 đồng: Các nguyên đơn phải chịu 8.962.500 đồng (đã nộp xong); bà P, anh M, anh B1 phải chịu 4.824.500 đồng. Do các nguyên đơn đã nộp xong khoản tiền này nên buộc bà P, anh M, anh B1 trả lại cho các nguyên đơn số tiền 4.824.500 đồng.

Chi phí xem xét tại thẩm định tại cấp phúc thẩm 400.000 đồng anh B1, anh M và bà P phải chịu (đã nộp xong).

*Kể từ ngày các nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh B1, anh M và bà P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị P được miễn chịu án phí. Anh M và anh B1 phải chịu 300.000 đồng. bà Châu Thị D1, bà Châu Thị N1, ông Nguyễn Minh L được miễn chịu án phí. Ông Châu Văn T1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D2 còn lại phải chịu 300.000 đồng. Bà D1, bà N1, bà D2, ông T1 đã dự nộp 1.057.000 đồng, đối trừ được nhận lại 757.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Châu Văn M và anh Châu Văn B1 không phải chịu án phí. Ngày 12/9/2023 anh B1 dự nộp 300.000 đồng; ngày18/9/2023 anh M dự nộp 300.000 đồng, theo các biên lai thu số 0009486, 0009497 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận*:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**